

Số: /KH-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính
nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xác định mục tiêu, nhiệm vụ
cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030**

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20/12/2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị quyết 30c); Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c; Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020.

- Xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết, đánh giá phải bảo đảm tính toàn diện, khoa học, thiết thực, hiệu quả; đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ, gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 13/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 23/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng

cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa công sở;

- Báo cáo tổng kết của các ngành, địa phương và của tỉnh phải bảo đảm đánh giá chính xác, toàn diện kết quả đạt được trên các nội dung CCHC; tập trung làm rõ kết quả so với mục tiêu, chỉ tiêu và chỉ ra nguyên nhân những mục tiêu, chỉ tiêu không đạt được. Đồng thời, đề xuất những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm công tác CCHC nhà nước trên từng lĩnh vực; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng ngành, địa phương và của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030;

- Thực hiện tổng kết từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh gắn với phong trào thi đua đẩy mạnh CCHC và nâng cao chất lượng công vụ, giai đoạn 2016-2020. Thực hiện khen thưởng và đề xuất khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tổ chức Hội nghị tổng kết gắn với khen thưởng ở các ngành, địa phương			
1.1	Xây dựng báo cáo và tổ chức Hội nghị tổng kết ở cấp xã (UBND cấp huyện hướng dẫn Đề cương báo cáo của cấp xã)	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND cấp huyện trước ngày 20/4/2020	Các xã, phường, thị trấn	
1.2	Xây dựng báo cáo theo mẫu số 01 và tổ chức Hội nghị tổng kết ở cấp huyện; tổng hợp các số liệu của địa phương theo các phụ lục từ 01 đến 09 để minh họa cho báo cáo.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 30/4/2020	UBND các huyện, thành phố	
1.3	Xây dựng báo cáo theo mẫu số 02 và tổ chức Hội nghị tổng kết ở các Sở, Ban, ngành; tổng hợp số liệu của ngành theo các phụ lục từ 01 đến 08 để minh họa cho báo cáo (nếu có).	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 30/4/2020	Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh	
2	Xây dựng các báo cáo tổng kết chuyên đề theo lĩnh vực			
2.1	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực cải cách thể chế theo mẫu số 03; - Thống kê số liệu theo phụ lục số 02.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.2	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; tiếp nhận, xử lý phản ánh	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	kiến nghị theo mẫu số 04; - Thống kê số liệu theo phụ lục số 03; - Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020 tại mục 1, 2, 5 của Phụ lục 8.			
2.3	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực Chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách tổ chức bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo mẫu số 05. - Thống kê, số liệu theo các Phụ lục số 01, 04, 05; - Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020 tại mục 3, 4, 7 của Phụ lục 8.	Hoàn thành trước ngày 10/4/2020	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.4	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực cải cách tài chính công theo mẫu số 06; - Thống kê số liệu theo Phụ lục số 6 và số liệu của các mục 2, 7, 8, Phụ lục số 9.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.5	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính nhà nước về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và xây dựng Chính quyền điện tử; triển khai, xây dựng Trục liên thông văn bản và Cổng dịch vụ công của tỉnh theo mẫu số 07. - Thống kê số liệu theo Phụ lục 7 (từ mục 01 đến mục 13). - Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020 từ mục 8 đến mục 16 của Phụ lục 8.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.6	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc triển khai áp dụng Hệ thống	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ISO 9001:2015 theo mẫu số 8. - Thống kê số liệu của mục 14, Phụ lục 7.	tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020		quan
2.7	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao Chỉ số PCI; việc đầu tư cải tạo, xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính (bao gồm cả cấp xã); đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng theo mẫu số 9; - Thống kê số liệu của mục 01, 03, 04, 05, 06, Phụ lục 9.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.8	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công và kết quả triển khai thực hiện Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo mẫu số 10. - Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020 tại mục 6 của Phụ lục 8.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.9	- Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công và việc triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo mẫu số 11. - Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020 tại mục 6, Phụ lục 8.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.10	Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch theo mẫu số 12.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2.11	Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá công tác tuyên truyền về CCHC trên sóng của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh theo mẫu số 13.	Hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/4/2020	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.12	Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; mục tiêu, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2030 của tỉnh	Hoàn thành trước ngày 15/5/2020	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Công tác khen thưởng và tuyên truyền			
3.1	- Hướng dẫn khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; - Tổng hợp đề xuất khen thưởng của các cấp, các ngành để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.	Hoàn thành trước ngày 30/5/2020	Sở Nội vụ	
3.2	Xây dựng phóng sự tuyên truyền về kết quả CCHC tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011-2020; những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; những sáng kiến, mô hình, giải pháp mới, hiệu quả trong thực hiện công tác CCHC; phát trên Đài Truyền hình tỉnh và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Hoàn thành trước ngày 30/5/2020	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	
3.3	Phát hành 01 số báo có ít nhất 02 trang viết về kết quả CCHC tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011-2020; những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; những sáng kiến, mô hình, giải pháp mới, hiệu quả trong thực hiện công tác CCHC để tuyên truyền và phát cho các đại biểu về dự Hội nghị tổng kết.	Hoàn thành trước ngày 30/5/2020	Báo Hòa Bình	
3.4	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai	- Tổ chức Hội nghị trước ngày 20/6/2020;	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	đoạn 2011-2020 gắn với công tác khen thưởng.	- Gửi báo cáo về Bộ Nội vụ trước ngày 30/6/2020		

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

- Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh, các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này;
- Dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020; nhiệm vụ, giải pháp CCHC giai đoạn 2021- 2030 của tỉnh đảm bảo đúng tiến độ và đạt chất lượng theo đúng Đề cương của Bộ Nội vụ. Tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết của tỉnh đảm bảo trang trọng, thiết thực, hiệu quả;
- Hướng dẫn công tác bình xét thi đua khen thưởng; tổng hợp đề xuất khen thưởng của các cơ quan, đơn vị; trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh và cấp trên khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020;
- Phối hợp với Báo Hòa Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh trong việc thông tin, tuyên truyền những kết quả nổi bật về CCHC của tỉnh giai đoạn 2011-2020; những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; những sáng kiến, mô hình, giải pháp mới, hiệu quả trong thực hiện công tác CCHC.

3. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tổ chức tổng kết Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020 theo Kế hoạch này. Trường hợp đặc biệt, không thể tổ chức Hội nghị tổng kết riêng thì có thể kết hợp với những Hội nghị khác nhưng phải gửi báo cáo tổng kết theo đúng thời hạn nêu trong Kế hoạch;
- Quyết định khen thưởng theo thẩm quyền và đề xuất với cấp có thẩm quyền khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020;
- Các Sở: Tài chính; Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nội vụ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Báo cáo chuyên đề đảm bảo đạt chất lượng và tiến độ theo Kế hoạch này (***báo cáo phải có đầy đủ số liệu minh chứng và so sánh kết quả đạt được trong 10 năm qua***) gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý tổ chức tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020;

- Báo Hòa Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng Kế hoạch, tổ chức thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật về CCHC của tỉnh giai đoạn 2011-2020; những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; những sáng kiến, mô hình, giải pháp mới, hiệu quả trong thực hiện công tác CCHC.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí tổ chức tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh nằm trong dự toán ngân sách năm 2020 đã giao cho Sở Nội vụ;

- Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của ngành, địa phương trong nguồn ngân sách theo quy định về quản lý ngân sách hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020****I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI****1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể).
- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm, từng giai đoạn; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác CCHC.
- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).
- Công tác theo dõi, đánh giá Chỉ số CCHC của các xã, phường, thị trấn; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.
- Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng.
- Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm.
- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị; những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC hàng năm.
- Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ công chức, viên chức của tỉnh; người dân, doanh nghiệp và xã hội.

**II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ**

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung CCHC, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được; mặt chưa đạt được, nguyên nhân cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

- a) Về xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); theo dõi thi hành pháp luật.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL, việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản QPPL.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Công tác kiểm tra văn bản QPPL.

c) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính;

- Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết;

- Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân (UBND), cơ quan chuyên môn cấp huyện

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của địa phương.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh: Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy theo các Nghị quyết của Trung ương; Chương trình hành động của Chính phủ; tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị địa phương.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của địa phương.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của địa phương.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương.

c) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

d) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm;
- Việc tuyển dụng; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về công chức cấp xã

- Cơ cấu, số lượng
- Chất lượng

5. Cải cách tài chính công

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội; các giải pháp tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

b) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách.

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.
- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

6. Về hiện đại hóa hành chính

a) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị ở địa phương.

+ Số đơn vị có mạng WAN, LAN, số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

+ Số lượng chữ ký số được cấp cho cán bộ, công chức.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

+ Số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ.

+ Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký điện tử.

+ Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng).

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai xây dựng bộ phận một cửa hiện đại:

+ Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nêu rõ số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến, hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hiện trạng công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ;...).

+ Số đơn vị cấp xã có bộ phận một cửa hiện đại theo quy định.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị ở địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu CCHC và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề ra mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ CCHC trọng tâm cần thiết mà các địa phương phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, theo 07 nội dung: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công; Hiện đại hóa hành chính.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ, Bộ Nội vụ và UBND tỉnh

2. Đề xuất các giải pháp mới nhằm đẩy mạnh công tác CCHC nhà nước của địa phương và của tỉnh trong giai đoạn tới./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
của các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020****I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể).
- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm, từng giai đoạn; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác CCHC.
- Việc bố trí kinh phí triển khai (nếu có).
- Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng.
- Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC.

**II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ**

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung CCHC, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được; mặt chưa đạt được, nguyên nhân cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

- a) Về xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); theo dõi thi hành pháp luật.
 - Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL, việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản QPPL (nếu có).
 - Công tác theo dõi thi hành pháp luật.
 - Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.
 - Công tác tự kiểm tra văn bản QPPL.
- c) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- a) Về kiểm soát thủ tục hành chính
 - Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;
 - Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính;
 - Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết;
 - Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (nếu có).

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (nếu có).

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc quyền quản lý (Nêu số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy; tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức).

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của ngành.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của ngành.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm;

- Việc tuyển dụng; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội; các giải pháp tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

b) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách.

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có).

6. Về hiện đại hóa hành chính

a) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

+ Số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ.

- + Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký điện tử.
- + Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng).
- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nếu có).

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 của cơ quan, đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu CCHC và định hướng phát triển của ngành, đề ra mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ CCHC trọng tâm cần thiết mà các cơ quan phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, theo 07 nội dung: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công; Hiện đại hóa hành chính.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ, Bộ Nội vụ và UBND tỉnh
2. Đề xuất các giải pháp mới nhằm đẩy mạnh công tác CCHC nhà nước của ngành và của tỉnh trong giai đoạn tới./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực Cải cách thể chế**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

2. Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, trong đó, tập trung các nội dung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

3. Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh:

- Việc tổ chức triển khai: kết quả; đánh giá tác động của các thể chế đó đến các mặt của đời sống xã hội: phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội...

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

4. Những mô hình, sáng kiến trong thực hiện cải cách thể chế của tỉnh

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH THỂ CHẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách thể chế trọng tâm cần thiết mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa,
cơ chế một cửa liên thông**

(Kèm theo Kế hoạch số: _____ /KH-UBND ngày ____/3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

- a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành.
- b) Về kiểm soát thủ tục hành chính
 - Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ;
 - Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.
 - Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định.
- c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ.
- d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.
- e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.
- g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

2. Những mô hình, sáng kiến trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực Chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và
nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể) của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh).

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác cải cách hành chính.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).

- Công tác theo dõi, đánh giá (đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước).

- Những mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng.

- Công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính.

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm.

- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ công chức, viên chức của tỉnh; người dân, doanh nghiệp và xã hội.

2. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân (UBND), cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của tỉnh.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh: Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy theo các Nghị quyết của Trung ương; Chương trình hành động của Chính phủ; tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc tỉnh.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của tỉnh.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của địa phương và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

c) Về phân cấp quản lý

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã phân cấp cho cơ quan hành chính cấp dưới.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm;

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: Việc tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về công chức cấp xã

- Cơ cấu, số lượng

- Chất lượng

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm về: Chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực cải cách tài chính công**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.

c) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở tỉnh.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

đ) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

2. Những mô hình, sáng kiến trong thực hiện cải cách tài chính công

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm cải cách tài chính công mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan
hành chính nhà nước và xây dựng Chính quyền điện tử; triển khai, xây
dựng Trục liên thông văn bản và Cổng dịch vụ công của tỉnh**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; Cổng dịch vụ công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của tỉnh.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh...

+ Số đơn vị có mạng WAN, LAN, số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

+ Số lượng chữ ký số được cấp cho cán bộ, công chức.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh:

+ Số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước; hiện trạng kết nối giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành và với Trục liên thông văn bản quốc gia.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ.

+ Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng).

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử:

+ Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nêu rõ số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến, hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hiện trạng công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ;...).

+ Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử.

2. Những mô hình, sáng kiến trong ứng dụng CNTT của tỉnh

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trọng tâm cần thiết mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn
quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ISO 9001:2015**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả chủ yếu đạt được

- Đánh giá về tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Việc tổ chức các Hội thi tìm kiếm sáng kiến CCHC của tỉnh.

2. Những mô hình, sáng kiến về CCHC của tỉnh

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm cần thiết mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
lĩnh vực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; Chỉ số PCI; đầu tư xây
dựng trụ sở cơ quan hành chính; đầu tư theo hình thức công - tư (PPP)**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Công tác tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo;

- Kết quả đạt được về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao Chỉ số PCI.

2. Kết quả đầu tư cải tạo, xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính (bao gồm cả cấp xã).

3. Kết quả đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng (nêu cụ thể tên các công trình, dự án đã đầu tư; đánh giá hiệu quả của các công trình, dự án đó với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cần thiết về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) mà tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.
2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.
3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
trong việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công và Đo lường sự
hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công của tỉnh (Nêu cụ thể kết quả thực hiện và phân tích, đánh giá về hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh).

2. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo Quyết định 4448/QĐ-BYT ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế (Nêu cụ thể kết quả chỉ số hài lòng hàng năm và phân tích, đánh giá, so sánh về kết quả chỉ số đó).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cần thiết để đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công; cải thiện Chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030 trong việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công và việc đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công của tỉnh (Nêu cụ thể kết quả thực hiện và phân tích, đánh giá về hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh).

2. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo Quyết định số 3982/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phê duyệt Đề án “Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công” (Nêu cụ thể kết quả chỉ số hài lòng hàng năm và phân tích, đánh giá, so sánh về kết quả chỉ số đó).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cần thiết để đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công; cải thiện Chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
trong việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ trong các lĩnh vực văn
hóa, thể thao và du lịch**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Đánh giá việc xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh (Nêu cụ thể kết quả thực hiện và phân tích, đánh giá về hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cần thiết để đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 – 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030
trong việc tuyên truyền về Cải cách hành chính trên sóng của Đài Phát
thanh và Truyền hình tỉnh**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2020 của UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tuyên truyền
2. Kết quả tuyên truyền
 - a) Về số lượng chương trình
 - b) Về chất lượng chương trình (ngoài việc đánh giá về chất lượng; nêu cụ thể những chương trình nổi bật)
3. Đánh giá hiệu quả về hiệu quả tuyên truyền đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

b) Nguyên nhân

3. Những bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cần thiết để đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Cải cách hành chính trên sóng của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2030.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Phụ lục 1
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành						
	- Văn bản của Tỉnh/Thành ủy						
	- Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh						
2	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC						
3	Tuyên truyền CCHC						
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (<i>Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0</i>)						
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh						
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC						
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (<i>Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0</i>)						
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).						
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng						
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị						
	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành						
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện						
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã						
	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương						
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức						
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát						
-	Số lượng mẫu đã khảo sát						
-	Mức độ hài lòng chung						

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của tỉnh

TT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành							
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương						
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh						
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện						
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện						
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã						
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã						
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát							
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát							
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền							
5	Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền							
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý							
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật							

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số TTHC của tỉnh						
-	<i>Số lượng TTHC cấp tỉnh</i>						
-	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>						
-	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>						
-	<i>Số TTHC do tỉnh ban hành (được giao trong Luật)</i>						
2.	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của tỉnh, như: giảm thời gian giải quyết...)						
3.	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử						
4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông						
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành</i>						
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện</i>						
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã</i>						
-	<i>Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp</i>						
-	<i>Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền</i>						

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
-	<i>Số TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ</i>						
5.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC						
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)</i>						
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)</i>						
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)</i>						
6.	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC						
-	<i>Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm</i>						
-	<i>Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm</i>						
-	<i>Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT</i>						

Phụ lục 4
Thống kê và so sánh số lượng tổ chức thuộc tỉnh
(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)

I. Số lượng, cơ cấu tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Số Chi cục thuộc Sở	Số phòng, văn phòng, thanh tra thuộc Sở	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh	Ghi chú
	Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)					
	Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)					

II. Số lượng, cơ cấu tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số UBND cấp huyện	Số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
	Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)					
	Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)					

III. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập phân theo các lĩnh vực

[illegible]

Phụ lục 5
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao
chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức						
-	<i>Tổng số được giao</i>						
-	<i>Tổng số có mặt</i>						
2.	Số lượng viên chức						
-	<i>Tổng số được giao</i>						
-	<i>Tổng số có mặt</i>						
3.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh						
4.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh						
5.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế						
6.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm						
7.	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm						
8.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng						

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ						
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên</i>						
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm</i>						

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	<i>một phần chi thường xuyên</i>						
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>						
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>						
5	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP						

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính của tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử						
2.	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG						
3.	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG						
4.	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG						
5.	Số lượng chữ ký số						
6.	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử						
7.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản						
8.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc						
9.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/Trang Thông tin điện tử						
10.	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ						

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	4						
11.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ						
12.	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử						
13.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử						
14.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có bản Công bố ISO						

Phụ lục 8
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu
cải cách hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	
2.	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020	
3.	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	
4.	Chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận	
5.	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020	
6.	Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020	
7.	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm;	
8.	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau	
9.	Các trang tin, cổng thông tin điện tử hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet	

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
10.	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan	
11.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng bộ, ngành đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
12.	Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 50% Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.	
13.	100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	
14.	Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	
15.	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	
16.	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	

Phụ lục 9
Thống kê các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước (tỷ lệ %)						
2.	Chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp (tỷ đồng)						
3.	Vốn đầu tư thu hút vào tỉnh (tỷ đồng)						
4.	Số Doanh nghiệp được thành lập mới						
5.	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) so với năm trước						
6.	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao (đạt.../....chỉ tiêu)						
7.	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao (tỷ đồng)						
8.	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp (tỷ đồng)						

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH